

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về triển khai thi hành Luật Quy hoạch

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các Thành viên Chính phủ và ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2017,

QUYẾT NGHỊ:

Luật Quy hoạch được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 là căn cứ pháp lý để các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất trong hoạt động quy hoạch. Luật Quy hoạch là công cụ quan trọng giúp Nhà nước hoạch định, kiến tạo động lực, không gian phát triển, bảo đảm tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Luật Quy hoạch là công cụ pháp lý quan trọng đẩy nhanh việc thực hiện khâu đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng; đồng thời loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, cản trở đầu tư, phát triển, tạo rào cản ra nhập thị trường của doanh nghiệp, hàng hóa, dịch vụ đang gây khó khăn cho việc huy động các nguồn lực, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực trong hoạt động đầu tư và phát triển.

Để triển khai kịp thời, đồng bộ các quy định của Luật Quy hoạch, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:



I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Quy hoạch

a) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật Quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Quy hoạch với nội dung, hình thức phù hợp đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân hiểu rõ, thực hiện.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tập huấn nội dung quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch cho cán bộ, công chức tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan; phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Quy hoạch.

2. Xây dựng các dự án Luật sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng bộ với Luật Quy hoạch

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương xây dựng và bảo đảm chất lượng các dự án luật sửa đổi, bổ sung các quy định về quy hoạch kết hợp với sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường, đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành đã được Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng các dự án luật và thông qua điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, bảo đảm tiến độ trình Chính phủ đề trình Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành đồng thời với hiệu lực thi hành của Luật Quy hoạch từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

3. Xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch trình Chính phủ trong tháng 02 năm 2018;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu ban hành Thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch, ban hành trong tháng 3 năm 2018.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu ban hành Thông tư hướng dẫn về giá trong hoạt động quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch trong quý II năm 2018. Trường hợp có vướng mắc vượt thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch, Thông tư hướng dẫn về giá trong hoạt động quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Thực hiện các quy định chuyển tiếp của Luật Quy hoạch

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ:

- Rà soát, tổng hợp, đề xuất danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch, danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định tại mục 39, Phụ lục 2 Luật Quy hoạch, gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 3 năm 2018 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

- Rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng do Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chủ trì tổ chức lập theo lĩnh vực quản lý đã được phê duyệt còn hiệu lực, các quy hoạch đang tiến hành lập, đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được quyết định hoặc phê duyệt, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh mà chưa được thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 3 năm 2018 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

- Tổng hợp, xây dựng danh mục các quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch đề nghị bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 11 năm 2018 để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trước ngày 31 tháng 12 năm 2018; chủ động rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền các quy hoạch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2018;

- Nghiên cứu và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo ngành, lĩnh vực được phân công, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khi các quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch bị bãi bỏ; hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2018;

- Chủ động nghiên cứu, rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lập quy hoạch được phân công, thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch đã được phê duyệt còn hiệu lực, các quy hoạch đang tiến hành lập, đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được phê duyệt, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh mà chưa được thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 3 năm 2018 để tổng hợp báo cáo Chính phủ; chủ động rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền các quy hoạch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2018;

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng, ban hành các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo thẩm quyền bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khi các quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch bị bãi bỏ;

- Chủ động nghiên cứu, rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lập quy hoạch theo thẩm quyền, thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Tổng hợp, xây dựng, trình Chính phủ ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch, danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định tại mục 39, Phụ lục 2 Luật Quy hoạch, báo cáo Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2018 để chuẩn bị cho công tác lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

- Tổng hợp, xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ các quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2018;

- Tổng hợp danh mục các quy hoạch đang tiến hành lập, đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh mà chưa được thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 2018.

5. Xây dựng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ:

- Tập trung nguồn lực tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030 được phân công theo quy định của Luật Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm 2020;

- Phối hợp với cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch;

- Xây dựng kế hoạch vốn cho việc lập các quy hoạch ngành quốc gia cho thời kỳ 2021-2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong quý II năm 2018 để trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch vốn lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước;

- Được sử dụng nguồn 10% dự phòng trên tổng mức vốn đã phân bổ cho các Bộ, ngành trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 hoặc nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế đã bố trí trong dự toán năm 2018 của các Bộ, ngành để tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030 ngay trong năm 2018 theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tập trung nguồn lực tổ chức lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm 2020;

- Phối hợp với cơ quan lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng theo quy trình quy định của Luật Quy hoạch;

- Xây dựng kế hoạch vốn lập quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021-2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong quý II năm 2018 để trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch vốn lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước;

- Được sử dụng nguồn 10% dự phòng trên tổng mức vốn đã phân bổ cho các địa phương trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 hoặc nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế đã bố trí trong dự toán năm 2018 của cấp tỉnh để tổ chức lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 ngay trong năm 2018 theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan

đề xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng theo quy định tại Điều 14 Luật Quy hoạch; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền trước ngày 01 tháng 3 năm 2018;

- Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu vốn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để lập quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030 trong quý III năm 2018, trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước;

- Chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, xác định đầy đủ các nhiệm vụ cần thiết để triển khai lập quy hoạch từ ngày 01 tháng 3 năm 2018, triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung của Luật Quy hoạch; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Bộ Tài chính: Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn để lập các quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030; hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và các cơ quan liên quan, bảo đảm bố trí đủ kinh phí cho hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

đ) Cơ quan được giao nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng; xây dựng kế hoạch vốn lập quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030, trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch vốn lập quy hoạch; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch.

6. Thành lập Tổ công tác thi hành Luật Quy hoạch

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập Tổ công tác thi hành Luật Quy hoạch.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc bảo đảm chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg CP, TGD
Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu:VT, PL (3). PC 205

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc